|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI I** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐHHI ngày ... tháng ... năm 20....*

*của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hàng hải I)*

**Tên ngành, nghề**:Điện tàu thuỷ

**Mã ngành, nghề**:5520228

**Trình độ đào tạo**:Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh**:Tốt nghiệp Trung học cơ sở

**Thời gian đào tạo:** 2 năm

**1. Mục tiêu đào tạo:**

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo điện tàu thủy trình độ trung cấp được thiết kế đào tạo Kỹ thuật viên điện tàu thủy, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, để đảm đương công việc của một Kỹ thuật viên trong các nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu biển, đảm nhận chức danh Thợ kỹ thuật điện trên tàu biển.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày đư­ợc các biện pháp an toàn khi sử dụng trang thiết bị điện;

- Mô tả được khái quát chung về cấu tạo và ứng dụng của động cơ Diesel và máy phụ tàu thủy;

- Mô tả được cấu tạo và ứng dụng của các loại khí cụ điện;

- Mô tả được cấu tạo và ứng dụng của các loại máy điện;

- Mô tả đ­ược trạm phát điện và phương pháp phân chia điện năng trên tàu thuỷ;

- Trình bày đ­ược các nguyên tắc điều khiển, khống chế truyền động điện cho các hệ thống: Hệ thống thiết bị điều khiển trên boong; hệ thống điều khiển thiết bị phụ buồng máy và các hệ thống truyền động điện khác trên tàu thuỷ;

- Mô tả được phương pháp bảo trì, bảo dưỡng máy điện và khí cụ điện trên tàu thuỷ;

- Sử dụng được công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu công việc

- Hiểu biết về tư duy tổng hợp sẵn sàng tiếp cận công nghệ mới.

1.2.2. Kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề và các dụng cụ kiểm tra, đo lường dùng trong nghề;

- Vận hành đ­ược trạm phát điện tàu thuỷ;

- Vận hành đ­ược bảng điện chính, bảng điện sự cố và bảng điện phụ trên tàu thủy;

- Bảo dưỡng được các loại khí cụ điện và máy điện trên tàu thuỷ;

- Sửa chữa đ­ược hư hỏng các loại khí cụ điện và máy điện;

- Sửa đư­ợc các mạch điện chiếu sáng, mạch điện động lực trên tàu thuỷ;

- Ứng dụng các công khoa học kỹ thuật giải quyết được một số tình huống kỹ thuật trong thực tế.

1.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;

- Có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc, địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

- Có ý thức học tập và tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp Trung cấp điện tàu thuỷ có thể đảm nhiệm những công việc sau:

- Thợ kỹ thuật điện trên tàu biển;

- Có thể làm:

+ Nhân viên kỹ thuật tại công ty kinh doanh thiết bị điện, tự động tàu thủy;

+ Nhân viên kỹ thuật tại các nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển;

+ Khi đủ thời gian đi biển sẽ được học nâng cao để dự thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Sỹ quan kỹ thuật.

**2. Khối lượng kiến thực và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học, mô đun: 26

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1740 giờ (65 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1485 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 587 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1068giờ, Thi/kiểm tra: 85 giờ.

**3. Nội dung chương trình:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH/MĐ** | **Tên môn học/ mô đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian học tập (giờ)** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành/thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận** | **Thi/ Kiểm tra** |
|
| **I** | **Các môn học chung** | **8** | **255** | **94** | **148** | **13** |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 1 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 0 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng - An ninh | 0 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MH 05 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH 06 | Tiếng Anh | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| **II** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** | **57** | **1485** | **493** | **920** | **72** |
| ***II.1*** | ***Môn học, mô đun cơ sở*** | ***11*** | ***165*** | ***139*** | ***14*** | ***12*** |
| MH 07 | Vật liệu điện | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 08 | An toàn điện- Luật công ước | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 09 | Máy tàu thuỷ | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 10 | Kỹ năng mềm | 2 | 30 | 14 | 14 | 2 |
| MH 11 | Kỹ thuật điện | 3 | 45 | 41 | 0 | 4 |
| ***II.2*** | ***Môn học, mô đun chuyên môn*** | ***44*** | ***1260*** | ***334*** | ***870*** | ***56*** |
| MĐ 12 | Vẽ điện | 3 | 60 | 30 | 26 | 4 |
| MĐ 13 | Bảo trì, sữa chữa máy biến áp | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ 14 | Bảo trì, sửa chữa máy phát xoay chiều | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ 15 | Bảo trì, sửa chữa động cơ điện xoay chiều ba pha | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ 16 | Bảo trì, sửa chữa khí cụ điện | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ 17 | Đo các đại lượng điện và không điện | 3 | 90 | 26 | 60 | 4 |
| MĐ 18 | Bảo trì, sửa chữa động cơ điện xoay chiều một pha; máy điện một chiều | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ 19 | Vận hành trạm phát điện | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MĐ 20 | Vận hành bảng điện | 3 | 60 | 30 | 26 | 4 |
| MĐ 21 | Bảo trì, sửa chữa hệ thống điều khiển thiết bị điện trên boong | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MĐ 22 | Bảo trì, sửa chữa hệ thống điều khiển thiết bị điện máy phụ buồng máy | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MĐ 23 | Bảo trì, sửa chữa hệ thống thiết bị điện buồng lái | 3 | 60 | 30 | 26 | 4 |
| MĐ 24 | Tiếng Anh chuyên ngành 1 | 2 | 60 | 28 | 28 | 4 |
| MĐ 25 | Thực tập Thợ kỹ thuật điện | 8 | 360 | 0 | 356 | 4 |
| ***II.3*** | ***Môn học, mô đun tự chọn*** | ***2*** | ***60*** | ***20*** | ***36*** | ***4*** |
| MĐ 26 | Sử dụng dụng cụ nghề điện | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ 27 | Lắp đặt hệ thống thông tin hàng hải | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| **Tổng cộng** | | **65** | **1740** | **587** | **1068** | **85** |

**4. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như hoạt động đoàn, thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ thăm quan …vv được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, rèn luyện sức khỏe mở mang kiến thức, giao lưu học hỏi …

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Thời gian** |
| 1 | Thể dục, thể thao | 5h ÷ 6h; 17h ÷ 18h hàng ngày |
| 2 | Văn hóa, văn nghệ:  - Qua các phương tiện thông tin đại chúng  - Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học |
| 3 | Hoạt động thư viện | Vào các ngày trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn TNCSHCM tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật |

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

- Theo Quyết định số ..../QĐ-CĐHHI, ngày .../.../20....của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Hàng hải I về Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Thời gian kiểm tra thi hết môn học, mô đun theo hướng dẫn cụ thể của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi đã học hết chương trình đào tạo và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo;

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp theo quy định của trường;

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **Đinh Gia Vinh** |